|  |
| --- |
| **PHỤ LỤC Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ**  **và trả kết quả tại Bộ phận TN&TKQ thuộc thẩm quyền**  **giải quyết của UBND huyện Kim Thành** *(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của   Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực** | **Thủ tục** |
| **I. PHÒNG VĂN HÓA - TT (9)** | | |
| 1 | **Văn hóa cơ sở (2)** | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện |
| 2 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện |
| 3 | **Thư viện (3)** | Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng |
| 4 | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng |
| 5 | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng |
| 6 | **Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử (4)** | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng |
| 7 | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng |
| 8 | Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng |
| 9 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng |
| **II. PHÒNG Y TẾ (3)** | | |
| 10 |  | Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ |
| 11 |  | Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ |
| 12 |  | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm |
| **III. PHÒNG NÔNG NGHIỆP (8)** | | |
| 13 | **NÔNG NGHIỆP (2)** | Hỗ trợ dự án liên kết |
| 14 | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương |
| 15 | **THỦY LỢI (2)** | Thủ tục thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thuỷ lợi (do UBND huyện phê duyệt) |
| 16 | Thủ tục thẩm định phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên) |
| 17 | **THUỶ SẢN (3)** | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng |
| 18 | Sửa đổi, bổ sung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng |
| 19 | Công bố mở cảng cá loại 3 |
| 20 |  | Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện |
| **IV. PHÒNG THANH TRA (9)** | | |
| 21 | **Khiếu nại tố cáo** | Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện |
| 22 | Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện |
| 23 | Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp huyện |
| 24 | **Phòng chống tham nhũng** | Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập |
| 25 | Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập |
| 26 | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình |
| 27 | Thủ tục thực hiện việc giải trình |
| 28 | **Tiếp Công dân** | Thủ tục tiếp công dân |
| 29 | **Giải quyết khiếu nại, tố cáo** | Thủ tục xử lý đơn |
| **V. PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG (63)** | | |
| 30 | **Lưu thông hàng hóa trong nước (9)** | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu |
| 31 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu |
| 32 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu |
| 33 | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá |
| 34 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá |
| 35 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá |
| 36 | Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh |
| 37 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh |
| 38 | Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh |
| 39 | **Kinh doanh khí (3)** | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai |
| 40 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai |
| 41 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai |
| 42 | **Quy hoạch kiến trúc (3)** | Thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện |
| 43 | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện |
| 44 | Thủ tục cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng |
| 45 | **Hoạt động xây dựng** | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ |
| 46 | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đổi với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ |
| 47 | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ |
| 48 | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/DA) và nhà ở riêng lẻ |
| 49 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ |
| 50 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong, đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ |
| 51 |  | Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở |
| 52 | **Đường thủy nội địa (22)** | Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa |
| 53 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa |
| 54 | Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung |
| 55 | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa |
| 56 | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật |
| 57 | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện |
| 58 | Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện |
| 59 | Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác |
| 60 | Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện |
| 61 | Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện |
| 62 | Thủ tục Đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa |
| 63 | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa |
| 64 | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính |
| 65 | Công bố hoạt động bến thủy nội địa |
| 66 | Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính |
| 67 | Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa |
| 68 | Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát |
| 69 | Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát |
| 70 | Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu |
| 71 | Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước |
| 72 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước |
| 73 | Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước |
| 74 | **Công nghiệp địa phương** | Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện |
| 75 | **Hạ tầng** | Thủ tục Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị |
| 76 | **Đường bộ** | Thủ tục Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang khai thác |
| 77 | Thủ tục Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang thác đang khai thác |
| 78 | Thủ tục Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu nằm trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang khai thác |
| 79 | Thủ tục Chấp thuận lắp đặt biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang khai thác |
| 80 | Thủ tục Cấp giấy phép lắp đặt các biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang khai thác |
| 81 | Thủ tục Chấp thuận xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang khai thác |
| 82 | Thủ tục Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang khai thác |
| 83 | Thủ tục Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đường nhánh đấu nối vào đường đường huyện, đường đô thị |
| 84 | Thủ tục Gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đường nhánh đấu nối vào đường huyện, đường đô thị |
| 85 | Thủ tục Cấp giấy phép thi công nút giao đường nhánh đấu nối vào đường huyện, đường đô thị |
| 86 | Thủ tục Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã |
| 87 | Thủ tục Gia hạn giấy phép thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang khai thác |
| 88 | **Kiểm tra chất lượng công trình** | Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của UBND huyện/thị xã/thành phố, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình |
| 89 | **Quản lý công sản (1)** | Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của Pháp luật |
| 90 | **Tài sản kết cấu hạ tầng chợ (2)** | Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý |
| 91 | Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ |
| 92 | **Nhà ở (1)** | Thủ tục công nhận Ban quản trị nhà chung cư |
| **VI. PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (29)** | | |
| 93 | **Đất đai (20)** | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá QSD đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân |
| 94 | Giao đất, cho thuế đất không thông qua hình thức đấu giá QSD đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân |
| 95 | Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân |
| 96 | Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng là hộ gia đình, cá nhân. |
| 97 | Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân |
| 98 | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chueyẻn mục đất sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân |
| 99 | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân |
| 100 | Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân |
| 101 | Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhânchuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở |
| 102 | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất |
| 103 | Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 |
| 104 | Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất |
| 105 | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót |
| 106 | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi |
| 107 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông |
| 108 | Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư |
| 109 | Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất |
| 110 | Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư |
| 111 | Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân |
| 112 | Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện |
| 113 | **Tài nguyên nước** | Đăng ký khai thác nước dưới đất |
| 114 | Thủ tục lấy ý kiến chuyển nước cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh |
| 115 | **Môi trường** | Cấp giấy phép môi trường |
| 116 | Cấp lại giấy phép môi trường |
| 117 | Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường |
| 118 | Cấp đổi giấy phép môi trường |
| 119 | Thủ tục Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường |
| 120 | **Chính sách thuế** | Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải |
| 121 |  | Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện |
| **VII. PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (40)** | | |
| 122 | **Giáo dục mầm non (5)** | Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục |
| 123 | Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ |
| 124 | Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) |
| 125 | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục |
| 126 | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại |
| 127 | **GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân (11)** | Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận |
| 128 | Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận |
| 129 | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cở sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn |
| 130 | Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh THCS, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người |
| 131 | Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo |
| 132 | Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp |
| 133 | Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục MN dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp |
| 134 | Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài |
| 135 | Xét, cấp học bổng chính sách |
| 136 | Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục |
| 137 | Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên |
| 138 | **GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân và các cơ sở khác (8)** | Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa |
| 139 | Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học |
| 140 | Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục |
| 141 | Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại |
| 142 | Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học |
| 143 | Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin hoc) |
| 144 | Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục |
| 145 | Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa |
| 146 | **Giáo dục tiểu học (6)** | Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục |
| 147 | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục |
| 148 | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại |
| 149 | Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học |
| 150 | Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học) |
| 151 | Chuyển trường đối với học sinh tiểu học |
| 152 | **Giáo dục trung học (9)** | Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục |
| 153 |  | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục |
| 154 |  | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại |
| 155 |  | Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở |
| 156 |  | Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lâp trường) |
| 157 |  | Tuyển sinh trung học cơ sở |
| 158 |  | Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở |
| 159 |  | Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở |
| 160 |  | Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở |
| 161 | **Giáo dục dân tộc (5)** | Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục |
| 162 | Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú |
| 163 | Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục |
| 164 | Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú |
| 165 | Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú |
| 166 | **Văn bằng, chứng chỉ** | Thủ tục chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ |
| 167 | Thủ tục cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc |
| **VIII. PHÒNG TƯ PHÁP (33)** | | |
| 168 | **Chứng thực (12)** | Cấp bản sao từ sổ gốc |
| 169 | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận |
| 170 | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận |
| 171 | Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được) |
| 172 | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch |
| 173 | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch |
| 174 | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực |
| 175 | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp |
| 176 | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp |
| 177 | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản |
| 178 | Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản |
| 179 | Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản |
| 180 | **Bồi thường nhà nước (2)** | Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại |
| 181 | Thủ tục phục hồi danh dự |
| 182 | **Hòa giải** | Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải |
| 183 | **Hộ tịch (18)** | Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch |
| 184 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài |
| 185 | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài |
| 186 | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài |
| 187 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài |
| 188 | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài |
| 189 | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài |
| 190 | Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài |
| 191 | Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc |
| 192 | Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài |
| 193 | Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài |
| 194 | Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) |
| 195 | Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài |
| 196 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân |
| 197 | Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài |
| 198 | Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài |
| 199 | Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch |
| 200 | Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài |
| **IX. PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH (37)** | | |
| 201 | **Quản lý công sản (3)** | Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công |
| 202 | Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật |
| 203 | Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước |
| 204 | **Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh (5)** | Đăng ký thành lập hộ kinh doanh |
| 205 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh |
| 206 | Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh |
| 207 | Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh |
| 208 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh |
| 209 | **Thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (26)** | Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất |
| 210 |  | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh |
| 211 |  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập |
| 212 |  | Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |
| 213 |  | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập |
| 214 |  | Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |
| 215 |  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; |
| 216 |  | Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh |
| 217 |  | Cấp lại Giấy chứng nhận dđăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |
| 218 |  | Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |
| 219 |  | Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |
| 220 |  | Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp |
| 221 |  | Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo |
| 222 |  | Đăng ký thành lập tổ hợp tác, đăng ký tổ hợp t trong trường hợp đã được thành lập trước ngày luật hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 điều 107 luật hợp tác xã 2023 |
| 223 |  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy |
| 224 |  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác |
| 225 |  | Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký t hợp tác |
| 226 |  | Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác |
| 227 |  | Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác |
| 228 |  | Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |
| 229 |  | Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác |
| 230 |  | Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |
| 231 |  | thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài |
| 232 |  | Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |
| 233 |  | Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |
| 234 |  | Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. |
| 235 |  | Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |
| 236 | **Đầu tư tại VN** | Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng |
| 237 | **Tài chính đất đai** | Thủ tục khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư |
| 238 | Thủ tục ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư |
| 239 | Thủ tục thanh toán xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ |
| **X. PHÒNG NỘI VỤ (33)** | | |
| 240 | **CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC (3)** | Thủ tục thi tuyển viên chức |
| 241 | Thủ tục xét tuyển viên chức |
| 242 | Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức không giữ chức vụ quản lý |
| 243 | **THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (7)** | Thủ tục tặng Giấy khen cho cá nhân, tập thể theo công trạng |
| 244 | Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến |
| 245 | Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở |
| 246 | Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến |
| 247 | Thủ tục tặng Giấy khen về thành tích thi đua theo chuyên đề |
| 248 | Thủ tục tặng Giấy khen về thành tích đột xuất |
| 249 | Thủ tục tặng Giấy khen cho gia đình |
| 250 | **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI (8)** | Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội |
| 251 | Thủ tục thành lập hội |
| 252 | Thủ tục phê duyệt điều lệ hội |
| 253 | Thủ tục chia, tách; sáp nhập, hợp nhất hội |
| 254 | Thủ tục đổi tên hội |
| 255 | Thủ tục hội tự giải thể |
| 256 | Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe |
| 257 | Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe |
| 258 | **TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO (8)** | Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo |
| 259 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện |
| 260 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện |
| 261 | Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện |
| 262 | Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện |
| 263 | Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện |
| 264 | Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện |
| 265 | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc |
| 266 | **TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH (3)** | Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính |
| 267 | Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức lại tổ chức hành chính |
| 268 | Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính |
| 269 | **TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP (3)** | Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập |
| 270 | Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập |
| 271 | Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập |
| **XI. PHÒNG LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI (21)** | | |
| 272 | **Phòng chống Tệ nạn xã hội (4)\_** | Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân |
| 273 | Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma tuý tại gia đình, cộng đồng |
| 274 | Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma tuý tại gia đình, cộng đồng |
| 275 | Công bố cơ sở cai nghiện ma tuý tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma tuý công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma tuý tại gia đình, cộng đồng |
| 276 | **Giáo dục nghề nghiệp** | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài |
| 277 | **Bảo trợ xã hội (15)** | Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng |
| 278 | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện |
| 279 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện |
| 280 | Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện |
| 281 | Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. |
| 282 | Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và xã hội. |
| 283 | Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 284 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội |
| 285 | Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 286 | Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh |
| 287 | Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp |
| 288 | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội |
| 289 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc |
| 290 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng |
| 291 | Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |
| 292 | **Người có công** | Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ |